TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2020
"V/v tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà **Nguyễn Thị Thanh Bình**;
Bà **Trần Thị Phúc**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông **Trần Văn Hào** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 243/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn R**, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Bùi Thị C**, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện L, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt, có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 16/3/2020 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn R trình bày:

-Về hôn nhân: Anh và chị C chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Chung sống hạnh phúc đến cách đây khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do chị C không phụ giúp anh làm ăn trả nợ, không muốn chung sống với anh nữa và đã bỏ đi gần 02 năm nay. Anh nhận thấy anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 20/3/2011, đang sống với anh. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Bùi Thị C trình bày:

-Về hôn nhân: Chị và anh R chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về xây dựng kinh tế gia đình và nuôi con nên đã ly thân gần 02 năm nay. Chị nhận thấy anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 20/3/2011, đang sống với anh R. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh R nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh R đối với chị C.

+ Về con chung: Giao con chung cho anh R nuôi dưỡng, ghi nhận anh R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận anh R và chị C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Anh R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh R và chị C đều đồng ý yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giải quyết vụ việc ly hôn của anh chị và xin được giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh R và chị C.

[2] Về hôn nhân: Anh R và chị C đều khai nhận anh chị chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn ngày 08/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Tây Ninh phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn anh R cung cấp. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật.

Quá trình giải quyết vụ án, anh chị khai nhận trong thời gian chung sống có mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm về xây dựng kinh tế gia đình, không còn tình cảm với nhau dẫn đến sống ly thân gần 02 năm nay không hàn gắn được nên anh R yêu cầu ly hôn và chị C đồng ý ly hôn. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định anh chị không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh R là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh R yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 20/3/2011. Chị C đồng ý giao cháu Thư cho anh R nuôi dưỡng. Nguyện vọng của cháu T cũng muốn được sống với anh R nên cần giao cháu T cho anh R tiếp tục nuôi dưỡng; ghi nhận anh R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh R và chị C đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh R phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn R đối với chị Bùi Thị C. Anh Nguyễn Văn R được ly hôn với chị Bùi Thị C.

2- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn R được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 20/3/2011; ghi nhận anh Nguyễn Văn R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị Bùi Thị C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn R và chị Bùi Thị C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí: Anh Nguyễn Văn R phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000597 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; anh Nguyễn Văn R đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho anh R và chị C biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-UBND xã;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung